

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/HS-PT**

Ngày: 21- 5 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các thẩm phán: Ông Vũ Hoàng Linh

Bà Nguyễn Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Như Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Đàm Thị Vang– Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2020, tại Phòng xét xử B- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2020/HSPT ngày 17/4/2020 đối với bị cáo Bùi Duy N. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HSST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo bị kháng nghị:

Bùi Duy N, sinh ngày 21/10/ 1991, tại Bình Phước; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện K, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đức H, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị T (Chết); Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt từ ngày 04/11/2029 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoản 21 giờ 30 phút ngày 02/02/2019 N đến quán karaoke 9999 thuộc ấp 3, xã T nơi anh H làm hỏi mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda biển số 93F1-378.72 của anh H. Khi mượn N nói dối với anh H là đi mua đồ. Khi anh H đồng ý giao xe cho N thì bị cáo đem xe đến cầm cho anh Hà Văn Thuận ở xã TH với số tiền 15.000.000đ và tiêu xài hết. Do không thấy N đem trả xe, anh H đã trình báo Công an xã T về việc cho bị cáo N mượn xe nhưng không trả. Cơ quan Công an tiến hành xác minh nhưng tại thời điểm này N không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được.

Đến ngày 20/7/2019 khoảng 16 giờ 30 phút N đi đến UBND xã Lộc Thuận gặp NH sau khi làm quen, N nhờ NH đưa N về nhà. NH đồng ý nên đã mượn xe mô tô của Tất Quốc T nhãn hiệu Suzuki biển số 93F1-413.11 và đưa N về tới nhà trọ thuộc ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước. Tại đây N tiếp tục nói dối với NH là cho N mượn xe và điện thoại để N đi mua đồ, còn điện thoại để gọi cho bạn. Tin lời của N nên NH cho N mượn xe và điện thoại hiệu OPPO F7. Sau khi lấy được xe và điện thoại, bị cáo chạy về D, trên đường đi đến cây xăng P thuộc ấp 3, xã H bị cáo vào đổ xăng. Do không có tiền nên cầm điện thoại cho cây xăng với giá 500.000đ. Về tới D bị cáo bán xe cho một người không rõ nhân thân được 13.000.000đ và tiêu xài hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HSST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử bị cáo Bùi Duy N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Duy N 02 (hai) năm tù. Thời gian tính tù từ ngày 04/11/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/04/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định kháng nghị số 61/QĐ-VKSND kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 và tăng nặng hình phạt tù đối với bị cáo Bùi Duy N, vì lý do: Bị cáo Bùi Duy N đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật hỏi mượn xe đi mua đồ để các bị hại tin tưởng giao tài sản là xe máy của mình cho bị cáo, sau đó bị cáo mang các xe của bị hại đi cầm cố và bán lấy tiền tiêu sài. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 85.600.000 đồng; các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phạm tội trong trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Đồng thời phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo ở khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm nhận định và xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên nội dung của kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, sửa án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Duy N thừa nhận bản án sơ thẩm đã nhận định và xét xử bị cáo đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực thực hiện. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có cơ sở khẳng định việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

[2.1] Đối với kháng nghị về việc áp dụng pháp luật của Tòa sơ thẩm, xét thấy: Bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều có trị tài sản trên 2.000.000đồng và cả 02 lần đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Tòa sơ thẩm xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự là đúng. Song, do trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt lớn hơn 50.000.000 đồng và dưới 200.000.000 đồng nên bị cáo phải bị xét xử theo tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại tại điểm c, khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là chưa đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019. Do vậy, cần sửa lại bản án sơ thẩm về phần này.

[2.2] Về việc tăng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy: Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù. Mặc dù, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng xét thấy số tiền 4.000.000đồng mà bị cáo đã bồi thường cho bị hại chỉ là một phần nhỏ trong tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 85.600.000đồng ; mặt khác, do bị cáo phải chịu trách nhiệm về khung

hình phạt nặng hơn nên cần thiết phải tăng mức hình phạt đối với bị cáo cho tương xứng.

[2.3] Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về các nội dung trên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2.5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HSST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về căn cứ pháp luật và hình phạt đối với bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Bùi Duy N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Duy N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2019.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Bùi Duy N không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP, Phòng KTNV

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi